

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập
hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 2495/QĐ-BTNMT ngày 28/10/2016 về việc công bố Danh mục các điểm có giá trị đặc trưng mực nước triều của vùng biển Việt Nam và ban hành hướng dẫn kỹ thuật xác định đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm, đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm vùng ven biển Việt Nam; số 1790/QĐ-BTNMT ngày 06/6/2018 về việc ban hành và công bố Danh mục các điểm có giá trị đặc trưng mực nước triều vùng ven biển và 10 đảo, cụm đảo lớn của Việt Nam; Bản đồ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm và đường ranh giới ngoài các đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm một khoảng cách 03 hải lý vùng ven biển Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 5774/BTNMT-TCBHQĐVN ngày 06/11/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cho ý kiến về Danh mục phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Nam.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 793/TTr - STNMT ngày 04/10/2021 và Báo cáo số 607/BC-STNMT ngày 26/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Nam, bao gồm 29 khu vực, với tổng chiều dài 45.144 m; trong đó:

- Thị xã Điện Bàn: 05 khu vực trên địa bàn 02 phường: Điện Ngọc và Điện Dương, với tổng chiều dài bờ biển là 2.733 m.

- Thành phố Hội An: 10 khu vực trên địa bàn 02 phường: Cẩm An và Cửa Đại, với tổng chiều dài bờ biển là 3.106 m.

- Huyện Duy Xuyên: 03 khu vực trên địa bàn xã Duy Hải, với tổng chiều dài bờ biển là 7.045 m.

- Huyện Thăng Bình: 04 khu vực trên địa bàn 04 xã: Bình Dương, Bình Minh, Bình Nam, Bình Hải; với tổng chiều dài bờ biển là 19.129 m.

- Thành phố Tam Kỳ: 04 khu vực trên địa bàn xã Tam Thanh, với tổng chiều dài bờ biển là 6.548 m.

- Huyện Núi Thành với 03 khu vực trên địa bàn 02 xã: Tam Tiên và Tam Hải, với tổng chiều dài bờ biển là 6.583 m.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc công bố Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển, tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo để xác định chiều rộng, ranh giới và lập thủ tục cấm mốc ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển theo Quyết định này.

2. Sở Tài chính chủ trì, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách theo quy định của pháp luật để thực hiện công tác cấm mốc hành lang bảo vệ bờ biển của tỉnh.

3. Các Sở, Ban, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý của mình phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp các thông tin liên quan đến các hoạt động trong hành lang bảo vệ bờ biển để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển có trách nhiệm quản lý tốt hiện trạng các khu vực được UBND tỉnh phê duyệt phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển, bảo vệ mốc hành lang bảo vệ bờ biển; chịu trách nhiệm khi để xảy ra hiện tượng lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn mình quản lý; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng kế hoạch, phương án, kinh phí và việc tổ chức thực hiện việc cấm mốc hành lang bảo vệ bờ biển; phổ biến Quyết định này đến UBND cấp xã, đồng thời chỉ đạo UBND cấp xã trong việc quản lý tốt hành lang bảo vệ bờ biển đã được UBND tỉnh phê duyệt theo đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc phát sinh thì các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương, Khoa học và Công nghệ; Trưởng Ban Quản lý các Khu Kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố: Núi Thành, Thăng Bình, Duy Xuyên, Điện Bàn, Hội An, Tam Kỳ; Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Quảng Nam; Chủ tịch UBND các xã, phường ven biển của tỉnh và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TN&MT;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Biển và Hải đảo VN;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KTN.

D:\Dropbox\Năm 2021\Quyết định\Môi trường\10 28
PD Danh mục HLBVBB.doc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Tân



Phụ lục
Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Nam
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Tên, địa giới hành chính của khu vực	Vị trí địa lý (Hệ tọa độ VN 2000, tọa độ trực 107,75, múi chiếu 3 ⁰)		Chiều dài bờ biển (m)	Mục đích thiết lập
		Điểm đầu	Điểm cuối		
I	Thị xã Điện Bàn				
1	Bãi biển Viêm Đông, phường Điện Ngọc	X1:558194,79 Y1:1765024,34	X2:558252,14 Y2:1764935,86	106	- Bảo vệ cảnh quan tự nhiên vùng bờ. - Bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.
2	Khu bờ biển, khối phố Hà Quảng Bắc, phường Điện Dương	X3: 558535,97 Y3: 1764524,65	X4: 559120,08 Y4: 1763742,13	980	- Bảo vệ cảnh quan tự nhiên vùng bờ. - Bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.
3	Khu bờ biển, khối phố Quảng Gia, khối phố Hà Quảng Đông, phường Điện Dương	X4: 559120,08 Y4: 1763742,13	X5: 559468,24 Y5: 1763324,71	546	- Bảo vệ cảnh quan tự nhiên vùng bờ. - Bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.
4	Khu bãi biển Thống nhất, khối phố Hà My Đông B, phường Điện Dương	X6: 559847,55 Y6: 1762917,95	X7: 560323,96 Y7: 1762396,25	713	- Bảo vệ cảnh quan tự nhiên vùng bờ. - Bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.
5	Khu bãi biển Hà My, khối phố Hà My Đông A, phường Điện Dương	X8: 561002,66 Y8: 1761749,83	X9: 561295,77 Y9: 1761495,90	388	- Bảo vệ cảnh quan tự nhiên vùng bờ. - Bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.
II	Thành phố Hội An				
6	Bãi biển An Bàng, phường Cẩm An	X10: 562485,83 Y10: 1760559,27	X11: 563241,59 Y11: 1760030,18	923	- Bảo vệ cảnh quan tự nhiên vùng bờ. - Giảm thiểu ảnh hưởng do sạt lở bờ biển và ứng phó với BĐKH. - Bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.
7	Cụm Công viên biển phường Cẩm An	X12: 564559,22 Y12: 1759167,85	X13: 563899,25 Y13: 1759595,36	105	- Bảo vệ cảnh quan tự nhiên vùng bờ. - Bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.

STT	Tên, địa giới hành chính của khu vực	Vị trí địa lý (Hệ tọa độ VN 2000, tọa độ trực 107,75, múi chiếu 3 ⁰)		Chiều dài bờ biển (m)	Mục đích thiết lập
		Điểm đầu	Điểm cuối		
8	Cụm Công viên biển phường Cẩm An	X14: 564969,64 Y14: 1758912,81	X15: 565025,91 Y15: 1758876,16	67	- Bảo vệ cảnh quan tự nhiên vùng bờ. - Bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.
9	Cụm Công viên biển phường Cửa Đại	X16: 565435,82 Y16: 1758630,07	X17: 566073,39 Y17: 1758239,78	750	- Bảo vệ cảnh quan tự nhiên vùng bờ. - Bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.
10	Cụm công viên biển phường Cửa Đại	X18: 566343,16 Y18: 1758087,51	X19: 566536,62 Y19: 1757956,40	243	- Bảo vệ cảnh quan tự nhiên vùng bờ. - Bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.
11	Cụm công viên biển Hội An (Bãi xói lở giữa Resort Golden Sand và Sunrise Primium), phường Cửa Đại	X20: 566883,95 Y20: 1757759,67	X21: 567077,33 Y21: 1757646,14	249	- Bảo vệ cảnh quan tự nhiên vùng bờ. - Giảm thiểu ảnh hưởng do sạt lở bờ biển và biến đổi khí hậu. - Bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.
12	Cụm công viên biển phường Cửa Đại	X22: 567288,13 Y22: 1757548,26	X23: 567323,75 Y23: 1757450,17	84	- Bảo vệ cảnh quan tự nhiên vùng bờ. - Bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.
13	Cụm công viên biển phường Cửa Đại	X24: 567632,73 Y24: 1757210,25	X25: 567819,10 Y25: 1757047,11	248	- Bảo vệ cảnh quan tự nhiên vùng bờ. - Bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.
14	Cụm công viên biển phường Cửa Đại	X26: 568029,46 Y26: 1756857,13	X27: 568133,49 Y27: 1756763,42	140	- Bảo vệ cảnh quan tự nhiên vùng bờ - Bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.
15	Khu rừng phòng hộ bắc phường Cửa Đại	X28: 568281,68 Y28: 1756195,16	X29: 568363,89 Y29: 1755981,83	297	- Bảo vệ hệ sinh thái rừng phòng hộ. - Giảm thiểu ảnh hưởng do sạt lở bờ biển và biến đổi khí hậu.

STT	Tên, địa giới hành chính của khu vực	Vị trí địa lý (Hệ tọa độ VN 2000, tọa độ trực 107,75, múi chiếu 3 ⁰)		Chiều dài bờ biển (m)	Mục đích thiết lập
		Điểm đầu	Điểm cuối		
III	Huyện Duy Xuyên				
16	Bãi cát xói lở mạnh xã Duy Hải	X30: 568549,21 Y30:1755224,26	X31:569605,82 Y31:1755165,05	1151	- Giảm thiểu ảnh hưởng do sạt lở bờ biển và biến đổi khí hậu.
17	Bãi Đông xã Duy Hải	X31: 569605,82 Y31: 1755165,05	X32: 570320,85 Y32: 1751396,70	4040	- Phòng vệ bờ biển, tạo cảnh quan phát triển du lịch. - Giảm thiểu ảnh hưởng do sạt lở bờ biển và biến đổi khí hậu.
18	Bãi khu nghỉ dưỡng Nam Hội An, xã Duy Hải	X32: 570320,85 Y32: 1751396,70	X33: 570823,13 Y33: 1749638,59	1854	- Bảo vệ cảnh quan tự nhiên vùng bờ. - Bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.
IV	Huyện Thăng Bình				
19	Bãi biển Bình Dương, khu trung tâm xã Bình Dương	X33:570823,13 Y33:1749638,59	X34:571093,07 Y34: 1748848,73	842	- Bảo vệ cảnh quan tự nhiên vùng bờ. - Bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.
20	Thôn Tân An, xã Bình Minh,	X35:572406,77 Y35:1745940,41	X36:575507,51 Y36:1740572,51	6226	- Bảo vệ rừng phòng hộ. - Bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.
21	Khu ven biển xã Bình Hải	X36:575507,51 Y36:1740572,51	X37:579652,00 Y37:1733950.00	7845	- Bảo vệ cảnh quan tự nhiên vùng bờ. - Bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.
22	Khu ven biển xã Bình Nam	X37:579652,00 Y37:1733950.00	X38:581848,51 Y38:1730396,64	4216	- Bảo vệ cảnh quan tự nhiên vùng bờ. - Bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.
V	Thành phố Tam Kỳ				
23	Khu vực phía Bắc xã Tam Thanh	X38:581848,51 Y38:1730396,64	X39:582994,18 Y39: 1728690,13	2058	- Bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.
24	Bãi biển Tinh Thủy, xã Tam Thanh	X39:582994,18 Y39: 1728690,13	X40:583113,35 Y40:1728519,99	210	- Bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.

STT	Tên, địa giới hành chính của khu vực	Vị trí địa lý (Hệ tọa độ VN 2000, tọa độ trực 107,75, múi chiếu 3 ⁰)		Chiều dài bờ biển (m)	Mục đích thiết lập
		Điểm đầu	Điểm cuối		
25	Khu trung tâm xã Tam Thanh	X40:583113,35 Y40:1728519,99	X41:584826,86 Y41:1726078,28	2998	- Bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.
26	Bãi biển Tam Thanh, thôn Hòa Hạ, xã Tam Thanh	X42:585979,33 Y42:1724488,87	X43:586748,30 Y43:1723449,12	1282	- Bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.
VI	Huyện Núi Thành				
27	Khu bãi biển thôn Hà Lộc, xã Tam Tiến	X44:589077,06 Y44:1720493,31	X45:590529,76 Y45:1718816,65	2226	- Giảm thiểu ảnh hưởng do sạt lở bờ biển, biến đổi khí hậu.
28	Khu Đông xã Tam Hải	X46:597972,27 Y46:1714437,34	X47:599052,79 Y47:1715428,53	1627	- Bảo vệ cảnh quan tự nhiên vùng bờ, bảo vệ hệ sinh thái rạn san hô. - Bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.
29	Khu bờ mài mòn trên đá gốc núi Bàn Than, xã Tam Hải	X47:599052,79 Y47:1715428,53	X48:599465,13 Y48:1715123,36	2730	- Bảo vệ khu di tích danh thắng Quốc gia, bảo vệ hệ sinh thái rạn san hô. - Bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.